

KHẢ NĂNG VÀ XU HƯỚNG CẠNH TRANH CỦA NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HOÀ* & TRẦN ĐÌNH LÝ**

Trong bài viết này, có ba loại chỉ số dùng để đánh giá khả năng và xu hướng cạnh tranh của ngành cà phê VN những năm gần đây. Qua phân tích cho thấy cà phê VN có lợi thế so sánh so với các mặt hàng xuất khẩu khác của VN và so với sản phẩm cà phê xuất khẩu của thế giới. Sự gia tăng hệ số RCA của cà phê VN chứng tỏ lợi thế so sánh trong việc sản xuất cà phê của VN ngày càng cao. Đồ thị DRC của cà phê VN luôn nằm dưới đường tỉ giá hối đoái và khoảng cách giữa chúng ngày một xa, tái khẳng định lợi thế so sánh có xu hướng ngày một tăng. Điều đó cho thấy VN có thể tiết kiệm ngoại tệ một cách có hiệu quả từ việc đầu tư sản xuất cà phê cho xuất khẩu. Tuy nhiên, khi sử dụng chỉ số UV, chất lượng cà phê VN thấp hơn cà phê một số nước xuất khẩu cà phê hàng đầu của thế giới và trong khu vực như Indonesia ở châu Á, Brazil, Colombia và Costa Rica ở châu Mỹ. Chất lượng cà phê VN có xu hướng ngày một thấp, cho thấy có sự đánh đổi giữa lợi thế so sánh và cạnh tranh chất lượng trong việc sản xuất cà phê của VN.

Từ khoá: Cà phê VN, lợi thế so sánh, cạnh tranh chất lượng.

1. Đặt vấn đề

Từ một nước với diện tích cà phê ban đầu khá nhỏ, đến nay diện tích trồng cà phê của VN đã tăng lên trên 500.000 ha với sản lượng bình quân 900.000 tấn/năm. Nếu như năm 1988 VN chỉ được xếp là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ tư thế giới thì đến nay đã trở thành nước sản xuất và xuất khẩu thứ hai thế giới, với kim ngạch đạt 2 tỉ USD/năm, được 71 quốc gia và vùng lãnh thổ biết đến. Vì vậy, cây cà phê được đánh giá có vai trò, vị trí quan trọng trong ngành nông nghiệp nước ta, đã tạo công việc trực tiếp cho hàng nghìn người và gián tiếp cho một triệu lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, mang lại thu nhập cho nhiều hộ gia đình, đặc biệt là những hộ dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, việc sản xuất và chế biến cà phê tại VN còn nhiều bất cập khiến chất lượng cà phê chưa cao, khả năng cạnh tranh của ngành cà phê thấp hơn

so với một số nước sản xuất cà phê hàng đầu của thế giới.

Nghiên cứu khả năng và xu hướng cạnh tranh của ngành cà phê VN thông qua các chuỗi thời gian các chỉ tiêu: lợi thế so sánh trông thấy (RCA), hệ số chi phí nguồn lực trong nước (DRC) và mô hình giá trị đơn vị nhằm cho ta thấy một bức tranh tổng thể vị thế của ngành cà phê VN so với các quốc gia xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới. Từ đó có cách nhìn và đánh giá đúng đắn các ưu nhược điểm của ngành cà phê VN trong cộng đồng cà phê thế giới, để có hướng đi đúng trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu khả năng và xu hướng cạnh tranh của ngành cà phê VN, tác giả sử dụng một số chỉ tiêu và biểu thị sự biến động của chúng theo thời gian như sau:

- Hệ số lợi thế so sánh trông thấy (Revealed Comparative Advantage - RCA): Hệ số này do nhà

*Trường Đại học Tây Nguyên

Email: hoanguyenvan66@yahoo.com

**ThS, Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM

Email: trandinhlytd@yahoo.com

kinh tế học Balassa đề xuất vào năm 1965 và được tính bằng tỉ trọng một sản phẩm trong tổng xuất khẩu của một quốc gia (vùng) chia cho tỉ trọng sản phẩm đó trong tổng xuất khẩu của thế giới. Điều này được thể hiện bằng công thức sau:

$$RCAX_{ij} = \left(\frac{X_{ij}}{X_i} \right) / \left(\frac{X_{wj}}{X_w} \right)$$

Trong đó: $RCAX_{ij}$: chỉ số lợi thế so sánh trông thấy trong xuất khẩu của nước i đối với sản phẩm j ; X_{ij} : kim ngạch xuất khẩu sản phẩm j của nước i ; X_i : tổng kim ngạch xuất khẩu của nước i ; X_{wj} : kim ngạch xuất khẩu sản phẩm j toàn cầu; X_w : tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu.

Ý nghĩa của công thức trên như sau: Nếu tỉ trọng xuất khẩu của nước i về mặt hàng j lớn hơn tỉ trọng sản phẩm đó trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn thế giới, tức là hệ số $RCA \geq 1$, thì nước i được cho là có lợi thế so sánh về sản phẩm j . Hệ số này càng cao thì chứng tỏ lợi thế so sánh càng cao. Nếu RCA_1 mà nhỏ hơn 1 thì nước i được cho là không có lợi thế so sánh về sản phẩm j – bất lợi thế so sánh trông thấy. Chỉ số này đã được áp dụng cho nhiều quốc gia trên thế giới (Petri, 1988; Yeats 1989, 1992a, 1992b, 1998; World Bank, 1994; Lee, 1995; Hoekman & Djankov, 1997; Rodas-Martini, 1998).

- Hệ số chi phí nguồn lực trong nước (Domestic Resource Cost - DRC): Hệ số DRC là tỉ lệ giữa chi phí các nhân tố sản xuất theo chi phí cơ hội so với trị giá gia tăng theo giá quốc tế. Nếu hệ số DRC nhỏ hơn 1 thì có nghĩa là cần một lượng nguồn lực trong nước nhỏ hơn 1 để tạo ra được 1 đồng trị giá gia tăng theo giá quốc tế. Trong trường hợp đó thì sản phẩm hay ngành sản phẩm trên là có lợi thế cạnh tranh. Ngược lại, nếu hệ số DRC lớn hơn 1 thì có nghĩa là cần một lượng nguồn lực trong nước lớn hơn 1 để tạo ra được 1 đồng trị giá gia tăng theo giá quốc tế, và như vậy là không có lợi thế cạnh tranh.

Công thức tính: $DRC_j = DC_j / IVA_j$. Trong đó: DC_j là chi phí trong nước cho các nhân tố sản xuất theo chi phí cơ hội để sản xuất ra sản phẩm j , IVA_j là trị giá gia tăng của sản phẩm j theo giá thế giới.

Hệ số DRC càng cao có nghĩa là càng tốn nhiều các nhân tố sản xuất trong nước để tạo ra 1 đơn vị trị giá gia tăng theo giá thế giới, nên không hiệu quả.

Giả sử thị trường các nhân tố sản xuất là cạnh tranh hoàn hảo và không có các hàng hoá phi khả thương, khi đó chi phí các nhân tố sản xuất hiện tại bằng với chi phí cơ hội của chúng, tức là DC_j bằng VA_j , trong đó VA_j là trị giá gia tăng trong nước. Khi đó công thức trên trở thành: $DRC_j = (DC_j) / IVA_j = (VA_j) / IVA_j$

Từ công thức tính hệ số bảo hộ hiệu dụng, chúng ta có: $e_j = (VA_j - IVA_j) / IVA_j = VA_j / IVA_j - 1 = DRC_j - 1$; Như vậy: $DRC_j = e_j + 1$

Do đó, nếu tính được hệ số bảo hộ hiệu dụng, ta có thể suy ra hệ số chi phí nguồn lực trong nước tương ứng và ngược lại.

- *Mô hình giá trị đơn vị đo lường chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu:*

Khoảng thập niên 1990, người ta tìm ra phương pháp đo lường chất lượng gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá và chỉ số giá. Các tác giả liên quan tới phương pháp này bao gồm: Fontange & Freunberg (FF 1997, 1998). Hai tác giả trên đều dựa vào giá kết hợp hay còn gọi là giá trị đơn vị khối lượng. Ta có công thức như sau:

$$UV = \frac{\sum_{i=1}^n q_i P_i}{\sum_{i=1}^n q_i}$$

Trong đó: UV: Giá đơn vị khối lượng (giá đơn vị) hay giá bình quân (nó được đo bằng tổng giá trị / tổng khối lượng xuất khẩu của mỗi loại hàng hoá trong hệ thống xuất nhập khẩu thống nhất -HS); q_i : Khối lượng xuất khẩu của các mặt hàng i cùng phân cấp theo SITC (theo số lượng chữ số); p_i : giá của 3 mặt hàng i .

Tuy nhiên, giá đơn vị còn chịu tác động của cung và cầu trên thị trường thế giới, khi cung quá cao có thể đẩy giá xuống thấp hoặc khi cầu quá cao thì có thể đẩy giá lên cao. Vì vậy giá đơn vị có thể thay đổi theo cung và cầu nên làm mờ đi yếu tố chất lượng, để triệt tiêu ảnh hưởng của cung và cầu đến giá người ta sử dụng chỉ số giá. Thông thường người ta

sử dụng giá đơn vị xuất khẩu của nước A chia cho giá đơn vị xuất khẩu của nước cạnh tranh để loại bỏ yếu tố cung, cầu. Ta có công thức sau:

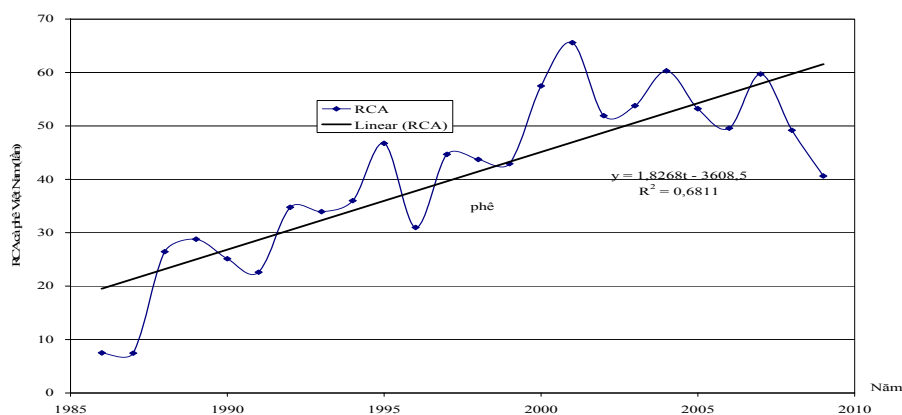
$$I_{UV(a/b)} = \frac{\sum_{i=1}^n p_{ia} q_{ia}}{\sum_{i=1}^n q_{ia}} : \frac{\sum_{i=1}^n p_{ib} q_{ib}}{\sum_{i=1}^n q_{ib}}$$

q_{ia}, q_{ib} : khối lượng xuất khẩu của các mặt hàng i cùng phân cấp theo SITC (theo số lượng chữ số) của quốc gia a và quốc gia b ; p_{ia}, p_{ib} : giá của mặt hàng i của quốc gia a và b .

3. Kết quả nghiên cứu

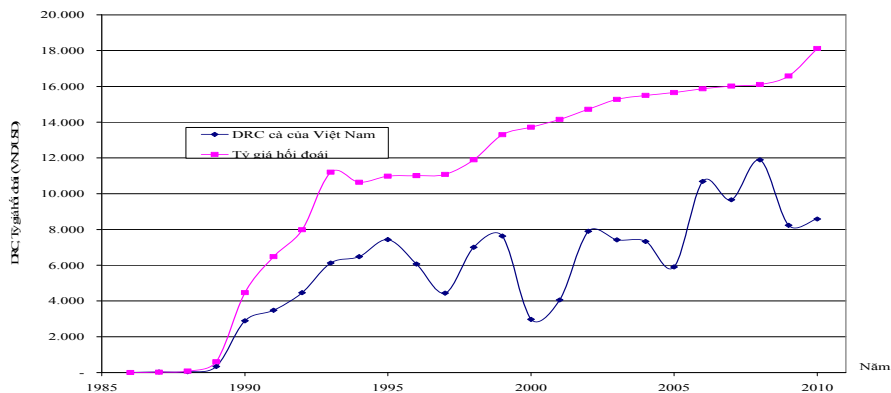
3.1. Phân tích khả năng và xu thế cạnh tranh của ngành cà phê VN thông qua hệ số RCA

Hình 1 cho thấy tỉ trọng xuất khẩu cà phê của VN từ năm 1986-2009 lớn hơn nhiều tỉ trọng sản phẩm đó trong tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn thế giới, tức là hệ số $RCA \geq 1$. Do vậy VN có lợi thế so sánh về sản phẩm cà phê so với các mặt hàng xuất khẩu khác của VN và so với sản phẩm cà phê xuất khẩu của thế giới. Hệ số RCA của VN có xu hướng ngày càng tăng (xu hướng tăng hơn 1,8 lần/năm), chứng tỏ lợi thế so sánh càng cao.



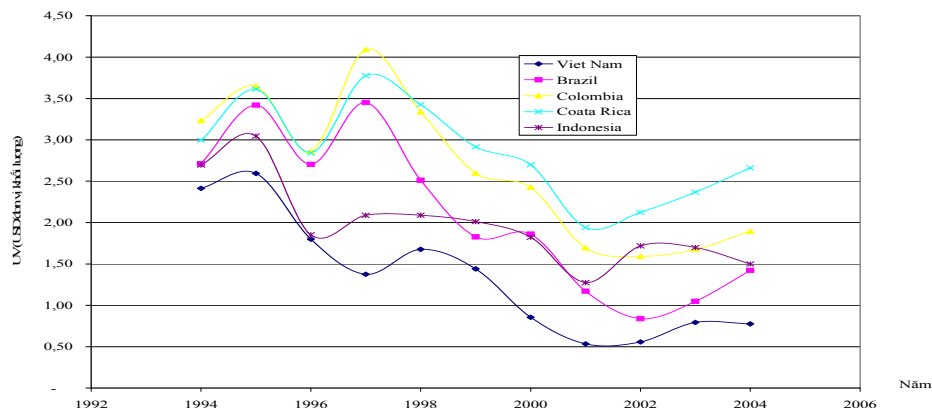
Nguồn: ICO 2010

Hình 1. Xu hướng biến động RCA của ngành cà phê VN



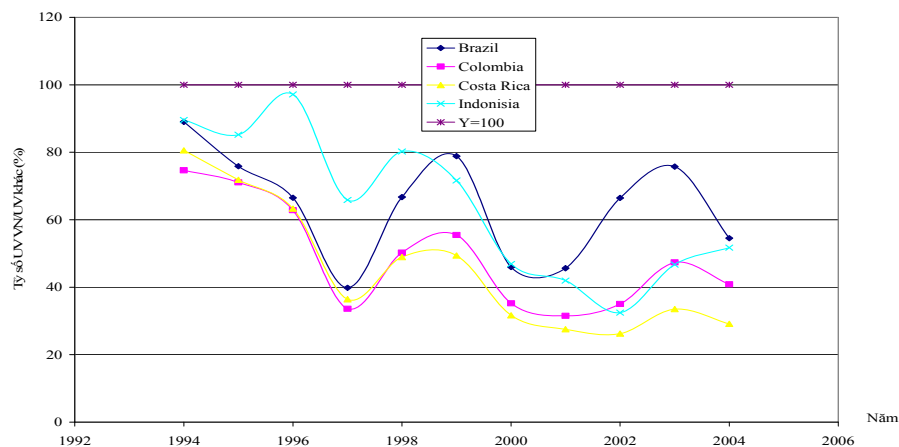
Nguồn: ICO 2010

Hình 2. Xu hướng DRC của ngành cà phê VN



Nguồn: OECD 2005

Hình 3. Xu hướng biến động UV cả phê của VN và một số nước xuất khẩu cà phê



Nguồn: OECD 2005

Hình 4. Xu hướng biến động chỉ số UV của VN so với UV của một số nước xuất khẩu cà phê

3.2. Phân tích khả năng và xu thế cạnh tranh của ngành cà phê VN thông qua hệ số DRC

Hình 2 cho thấy sản xuất cà phê của VN có lợi thế so sánh. Đồ thị DRC của ngành cà phê VN từ năm 1986 - 2010 luôn nằm dưới (thấp hơn) đường tỉ giá hối đoái và khoảng cách giữa chúng ngày một xa, như vậy việc sản xuất cà phê của VN có lợi thế so sánh và lợi thế so sánh có xu hướng ngày một tăng. Có nghĩa là việc sản xuất cà phê của VN có thể tiết kiệm ngoại tệ một cách có hiệu quả (thực tế VN không có nhập khẩu cà phê. Nếu VN nhập khẩu cà

phê thì giá cà phê nhập khẩu sẽ cao hơn nhiều so với giá cà phê ở trong nước).

3.3. Mô hình giá trị đơn vị đo lường chất lượng hàng hoá xuất nhập khẩu

Tuy nhiên, khi so sánh chất lượng xuất khẩu cà phê của VN với một số nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới và trong khu vực thông qua chỉ tiêu giá đơn vị khối lượng (UV) xuất khẩu cà phê từ năm 1994 – 2004, Hình 3 cho thấy chất lượng xuất khẩu cà phê của VN luôn thấp hơn các nước đem so sánh. Cụ thể đường đồ thị chỉ tiêu UV cà phê của VN luôn nằm dưới các đường UV cà phê của các nước còn

lại. Trong đó chất lượng xuất khẩu cà phê của Colombia và Costa Rica là tốt nhất (đồ thị UV cả phê của hai quốc gia này luôn nằm ở bên trên)

Mặc dù chất lượng cà phê xuất khẩu của VN kém xa so với các quốc gia xuất khẩu cà phê hàng đầu của thế giới. Tuy nhiên để đánh giá xem VN có cải thiện chất lượng xuất khẩu cà phê hay không so với các quốc gia khác, chúng ta tính chỉ số UV cả phê của VN so với chỉ số UV cả phê của các nước xuất khẩu cà phê hàng đầu của thế giới và trong khu vực. Nếu chỉ số này ngày càng tiếp cận sát với đường $y=100$ chứng tỏ chất lượng xuất khẩu cà phê của VN ngày được cải thiện hơn so với nước đem so sánh. Hình 4 cho thấy đường đồ thị chỉ số UV cả phê của VN so với chỉ số UV cả phê của bốn quốc gia so sánh luôn nằm dưới và ngày có xu hướng cách xa đường $y=100$. Điều đó chứng tỏ cạnh tranh chất lượng xuất khẩu cà phê của VN trong thời gian từ 1994 đến 2004 không được cải thiện so với các quốc gia so sánh và có xu hướng giảm.

4. Kết luận

Phân tích cho thấy VN có lợi thế so sánh về sản phẩm cà phê so với các mặt hàng xuất khẩu khác của VN và so với sản phẩm cà phê xuất khẩu của thế giới. Hệ số RCA của VN có xu hướng ngày càng

tăng, chứng tỏ lợi thế so sánh càng cao. Đồ thị DRC của VN từ năm 1986 đến năm 2010 luôn nằm dưới (thấp hơn) đường tỉ giá hối đoái và khoảng cách giữa chúng ngày một xa, như vậy việc sản xuất cà phê của VN có lợi thế so sánh và lợi thế so sánh có xu hướng ngày một tăng. Có nghĩa là việc sản xuất cà phê của VN có thể tiết kiệm ngoại tệ một cách có hiệu quả.

Tuy nhiên, khi so sánh chất lượng xuất khẩu cà phê của VN với một số nước xuất khẩu cà phê hàng đầu của thế giới và trong khu vực cho thấy chất lượng xuất khẩu cà phê của VN luôn kém hơn các quốc gia sản xuất cà phê hàng đầu thế giới. Cạnh tranh về chất lượng xuất khẩu cà phê của VN trong thời gian từ 1994 đến 2004 luôn thấp và có xu hướng giảm. Chất lượng cà phê VN có xu hướng ngày một thấp cho thấy có sự đánh đổi giữa lợi thế so sánh và cạnh tranh chất lượng trong sản xuất cà phê của VN. Tuy nhiên, việc đánh đổi giữa lợi thế so sánh và cạnh tranh chất lượng trong việc sản xuất cà phê của VN có thể là tốt trong ngắn hạn. Trong dài hạn, VN cần có những giải pháp thiết thực cho việc nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Appleyard & Field (1995), "Trade Theory & Policy", *International Economics*, IRWIN.
- Paul R. Krugman & Maurice Obstfeld (1996), *Kinh tế học quốc tế- lý thuyết và chính sách*, tập I "Những vấn đề về thương mại quốc tế", NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- http://www.ico.org/new_historical.asp
- http://www.oecd.org/pages/0,3417,en_36734052_36734103_1_1_1_1_1,00.html